

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH TRỊ  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 120/2024/DS-ST

Ngày: 17-12-2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Kha

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lâm Thị Loan Em.

**Ông Nguyễn Thanh Hải.**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024, về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **246/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 191/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:**

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1960. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã V, huyện T, Sóc Trăng.

**- Người đại diện hợp pháp nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Tiết C1, sinh năm 2001 – Là đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 25/9/2024. (vắng mặt, có đơn).

Địa chỉ liên hệ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Ông Lê Trọng A, sinh năm 1966. (vắng mặt).
- 2. Bà Phan Thị Thanh H, sinh năm 1966. (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã V, huyện T, Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/09/2024 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C, trình bày: Vào năm 2014, bà C có cho vợ chồng ông Lê Trọng A và bà Phan Thị Thanh H vay số vàng 04 chỉ vàng 24k, thời gian cho vay khi nào bà C có nhu cầu sử dụng thì vợ chồng ông A và bà H sẽ trả đủ số vàng nêu trên cho bà C, mục đích vay là để làm ăn và sinh hoạt trong gia đình, do là chỗ quen biết nên khi cho vay chỉ nói miệng không có làm giấy tờ.

Tuy nhiên, sau đó bà C có yêu cầu vợ chồng ông A trả lại cho bà C số vàng đã mượn là 04 chỉ vàng 24K nhưng vợ chồng ông A, bà H chỉ hẹn lần, hẹn lượt chứ không trả lại cho bà. Bà C có yêu cầu Tổ hòa giải ấp A, xã V hòa giải thì phía ông Lê Trọng A thừa nhận vợ chồng ông còn nợ lại bà C số vàng là 04 chỉ vàng 24K, đồng thời ông A hứa đến ngày 26/12/2021 sẽ trả cho bà C 02 chỉ vàng 24K, đến sang vụ lúa Đông Xuân vào ngày 15/03/2022 sẽ trả thêm 02 chỉ vàng 24K là dứt nợ. Sau đó vợ chồng ông A không trả lại số vàng trên cho bà như đã thỏa thuận mà chỉ mới trả được cho bà 01 chỉ vàng 24K, còn lại 03 chỉ vàng 24K thì cho đến nay không trả.

Bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông A và bà H trả cho bà C số vàng là 03 chỉ vàng loại vàng 24K và không yêu cầu tính lãi.

- Quá trình giải quyết bị đơn ông Lê Trọng A, trình bày: Ông và vợ là bà H có vay của bà C số vàng 04 chỉ vàng 24k, sau đó thì có trả cho bà C 01 chỉ và còn nợ lại 03 chỉ cho đến nay chưa trả cho bà C.

Nay đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông trả số vàng là 03 chỉ vàng loại vàng 24k thì hiện do hoàn cảnh gia đình ông khó khăn ông xin hẹn đến vụ lúa đông xuân tháng 03 năm 2025 sẽ trả cho bà C là hết số vàng.

- Bị đơn bà Phan Thị Thanh H vắng mặt và không có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án.

- Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do là chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn số vàng 03 chỉ vàng 24 quy đổi thành tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp dân sự về “Hợp đồng vay tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bị đơn có nơi cư trú tại ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trên.

[2] Nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C khởi kiện yêu cầu các bị đơn ông Lê Trọng A và bà Phan Thị Thanh H trả 03 chỉ vàng 24k còn nợ, bị đơn ông Lê Trọng A thừa nhận ông và bà H còn nợ số vàng như nguyên đơn yêu cầu nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Phan Thị Thanh H là vợ của ông A, sau khi Tòa án thụ lý và tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà H thì ông A là người nhận thay và có báo cho bà H biết tuy nhiên bà H không có ý kiến hay văn bản phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào lời khai của ông A vợ chồng ông có vay của bà C 03 chỉ vàng loại 24k là sự thật (BL 22) và trong quá trình giải quyết vụ án bà H

không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của bà C. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn ông A và bà H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số vàng 03 chỉ vàng loại 24k là có cơ sở. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 4 Điều 19 của Nghị định số: 24/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 04 tháng 2012 của chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng: “*sử dụng làm phương tiện thanh toán là hành vi vi phạm trong hoạt động kinh doanh vàng*”. Do vàng không được sử dụng làm phương tiện thanh toán do đó để đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật vàng sẽ được quy đổi thành tiền theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm. Theo biên bản xác minh giá vàng 24k tại thời điểm xét xử ngày 17/12/2024 là 8.350.000 đồng/chỉ x 03 chỉ = 25.050.000 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn ông A và bà H phải chịu tiền án phí dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 463 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C buộc các bị đơn ông Lê Trọng A và bà Phan Thị Thanh H trả cho bà C giá trị tương đương 03 chỉ vàng, loại vàng 24k là 25.050.000 đồng (Hai mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn ông Lê Trọng A và bà Phan Thị Thanh H phải chịu **1.252.500** đồng (Một triệu hai trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng). Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim C không phải chịu án phí.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Tuyết Kha**